

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/DS - PT
Ngày 09 tháng 02 năm 2026
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Phương Thanh

Bà Lê Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2025/TLPT-DS ngày 11/12/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thanh Hóa bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2026/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V (V)

Địa chỉ: Tòa V Tower, số 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D - Chủ tịch Hội đồng Quản trị; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Q- Trưởng phòng XLNPL KHCN2; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông H- Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà 27-29 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đ, sinh năm 1984;

Chị Lê T, sinh năm 1987;

Cùng cư trú tại: số nhà 12 Ngõ Thuyền, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị G, sinh năm 1982; nơi cư trú: SN 51/1 Nguyễn Đôn Tiết, phường Cát Lái, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện đang chấp hành án tại Trại giam An Phước, cục C10, Bộ Công an; vắng mặt.

- **Người kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 28/6/2019 Ngân hàng V và anh Trần Đ, chị Lê T có ký kết hợp đồng cho vay số LN1906211479428, với nội dung cơ bản như sau: Số tiền anh Đ và chị T vay Ngân hàng V 980.000.000đ (chín trăm tám mươi triệu đồng) thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, phương thức vay; bên vay phải trả gốc và lãi cho ngân hàng theo định kỳ một lần/ tháng vào ngày 02 hàng tháng, ngày đầu tiên vào ngày 02/8/2019, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân 10,5%/ năm, mức lãi suất này được điều chỉnh định kỳ 01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở VNĐ, áp dụng đối với vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh biên độ 3,7 %/ năm. Lãi suất quá hạn bằng 150 % mức lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12; địa chỉ: Lô 76 MBQH 6804, phường P, thành phố Thanh Hóa (nay là phường Hạc Thành tỉnh Thanh Hóa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 257593 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 04/6/2019 cho chị G.

Ngân hàng V đã giải ngân cho anh Đ và chị T theo đơn đề nghị giải ngân ngày 28/6/2019 của anh Đ và chị T với số tiền 980.000.000đ theo đúng yêu cầu của anh Đ chị T và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, tính đến thời điểm ngày 12/9/2022 anh Đ và chị T đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng V số tiền là: 225.705.812đ (trong đó tiền gốc là 10.444.904đ, tiền lãi là 215.260.908đ).

Anh Đ và chị T đã vi phạm thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng vay số hợp đồng cho vay số LN1906211479428 ngày 28/6/2019. Mặc dù ngân hàng V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho anh Đ chị T nhưng vẫn không trả nợ cho ngân hàng thêm khoản nào.

Tính đến ngày 23/9/2025 anh Trần Đ và chị Lê T còn nợ Ngân hàng V cụ thể: số tiền gốc là 969.555.096đ, tiền lãi trong hạn: 21.391.640đ, lãi quá hạn: 771.492.764đ, lãi chậm trả 175.465.011đ. Tổng gốc và lãi là 1.937.904.511đ (một tỷ chín trăm ba bảy triệu chín trăm lẻ bốn nghìn năm trăm mười một nghìn đồng).

Anh Đ chị T phải có trách nhiệm trả số tiền gốc lãi cho ngân hàng V số tiền 1.937.904.511đ và phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả, phí chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cho vay số LN190621147928 ngày

28/6/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả cho đến khi anh Đ chị T tất toán xong khoản vay cho ngân hàng V.

Trong trường hợp anh Trần Đ và chị Lê T không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12; Địa chỉ: Lô 76 MBQH 6804, phường Hạc Thành tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 257593 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 04/6/2019 cho bà G để thu hồi nợ cho Ngân hàng V.

** Bị đơn anh Trần Đ và chị Lê T trình bày:*

Do cần tiền để sửa sang cửa hàng áo cưới, anh Đ và chị T có vay của Ngân hàng V theo hợp đồng cho vay số LN 1906211479428 ngày 28/6/2019 với số tiền 980.000.000đ (chín trăm tám mươi triệu đồng) thời hạn vay là 12 tháng, hình thức trả lãi hàng tháng 1 lần, với lãi suất 10,5%/ năm, mục đích vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh cửa hàng quần áo cưới.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12, Địa chỉ: Lô 76 MBQH 6804, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 257593 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 04/6/2019 cho bà Trần Thị Hồng Giám theo hợp đồng thế chấp số LN 190621179428 ngày 27/6/2019.

Quá trình vay anh Đ và chị T đã trả cho Ngân hàng V số tiền gốc là 10.444.904đ, tiền lãi là 215.260.908đ. Do làm ăn khó khăn và dịch Covide - 19 nên anh Đ và chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V theo hợp đồng tín dụng mà anh chị đã ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày 12/9/2022 anh Đ và chị T còn nợ Ngân hàng V số tiền gốc là: 969.555.098đ; tiền lãi trong hạn: 21.391.640đ, tiền lãi quá hạn: 204.502.257đ; tiền lãi chậm trả: 15.531.481đ. Tổng gốc và lãi là 1.210.980.473đ. Nay Ngân hàng V khởi kiện, anh Đ chị T đều thừa nhận như đơn khởi kiện của Ngân hàng và có đề nghị sau: Do hoàn cảnh của vợ chồng anh chị rất khó khăn nên đề nghị Ngân hàng V xem xét giảm cho anh chị một phần lãi, anh chị sẽ thu xếp có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc lãi cho Ngân hàng vào thời gian gần nhất. Nếu anh chị không thanh toán được thì đề nghị Ngân hàng kê biên phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay.

** Tại biên bản lấy lời khai chị G trình bày:*

Chị G có mối quan hệ là chị gái anh Đ, chị T là em dâu của chị G. Ngày 27/6/2019 chị có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12; Địa chỉ: Lô 76 MBQH 6804, phường Hạc Thành tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 257593 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 04/6/2019 cho chị Trần G để cho vợ chồng anh Đ vay tiền tại Ngân hàng V nhưng chị không nhớ rõ số tiền bao nhiêu, chỉ nhớ khoảng 1.100.000.000đ, chị không nhớ thời hạn vay, lãi suất mà chỉ nhớ mỗi tháng trả gốc lãi là 10.000.000đ/ tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, chị G cùng anh Đ và chị T đã trả đầy đủ cho ngân hàng, tuy nhiên vào thời điểm dịch bệnh Covide - 19 xảy ra thì chị G và vợ chồng anh Đ khó khăn về kinh tế nên không thanh toán được

cho Ngân hàng V theo như thỏa thuận trong hợp đồng cho vay. Ngân hàng V có yêu cầu quyết toán số nợ vào ngày 01/01/2022 nhưng chị G bị bắt tạm giữ vào ngày 31/12/2021 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng V được. Hiện nay chị không biết rõ tiền gốc lãi anh Đ và chị T còn nợ ngân hàng bao nhiêu và đã trả được bao nhiêu.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, chị G biết vợ chồng anh Đ không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, chị đang phải chấp hành án, trường hợp vợ chồng anh Đ không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng thì chị G không đồng ý phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12, Địa chỉ: Lô 76 MBQH 6804 phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 257593 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 04/6/2019 cho chị G.

Ngày 29/12/2022 Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12, Địa chỉ: Lô 76 MBQH 6804, phường P, thành phố Thanh Hóa (nay là phường Hạc Thành tỉnh Thanh Hóa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 257593 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 04/6/2019 cho chị Trần Thị Hồng Giám, theo hợp đồng thế chấp số LN1906211479428 ngày 27/6/2029 mà chị G bảo đảm cho anh Đ và chị T vay tiền tại Ngân hàng V. Tài sản tại thời điểm Tòa án giải quyết giữ nguyên không cho thuê, mượn và không có tranh chấp với các hộ liên kề, không thay đổi gì về kết cấu so với thời điểm chị G bảo lãnh cho anh Đ và chị T vay tiền ngân hàng V.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thanh Hóa đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 323; Điều 298, Điều 357; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95; Điều 96; Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc anh Nguyễn Mạnh Đạt và chị Lê T phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ đến ngày 23/8/2025 của hợp đồng cho vay số LN190621147942 ngày 28/6/2019 tổng số tiền là: 1.937.904.511đ (một tỷ chín trăm ba bảy triệu chín trăm linh tư nghìn năm trăm mười một đồng). Trong đó tiền gốc 969.555.096đ; tiền lãi trong hạn: 21.391.640đ; lãi quá hạn: 771.492.764đ; lãi chậm trả 175.465.011đ.

Anh Trần Đ và chị Lê T tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số LN1906211479428 ngày 28/6/2019. Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý tài sản đảm bảo; bị đơn anh Đ, chị T phải chịu 70.137.135đ, trả lại cho ngân hàng 24.164.000đ tạm ứng án phí.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Trần Đ và chị Lê T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ cho Ngân hàng VPBak thì Ngân

hàng V có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN1906211479428 ngày 27/6/2019 và yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 27/6/2019; tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12; Địa chỉ: Lô 76 MBQH 6804, phường P, thành phố Thanh Hóa (nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 257593 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 04/6/2019 cho chị G, theo hợp đồng thế chấp số 6301, quyền số 02/2019 TP/CC/HĐGD ngày 27/6/2019 tại Văn phòng Công chứng Lại Văn Thạnh.

Ngày 23/10/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành kháng nghị số 958/QĐ-VKSK-P9, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V về khoản lãi chậm trả số tiền 175.465.011đ; căn cứ khoản 2 Điều 29

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 để xác định lại án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 09/12/2025, Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng V ông Hoàng Văn Huy có đơn yêu cầu rút yêu cầu đối với khoản lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 175.465.011đ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quyết định kháng nghị:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị, không chấp nhận yêu cầu của ngân hàng V đối với khoản lãi chậm trả 175.465.011đ, và sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm đối với bị đơn, buộc ngân hàng V phải chịu án phí đối với khoản lãi chậm trả 175.465.011đ không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

[2.1] Theo các tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, thể hiện: Các đương sự đều thừa nhận các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LN1906211479428 ngày 28/6/2019 giữa V và anh Trần Đ, chị Lê T, anh Đ, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên từ ngày 28/6/2021, Ngân hàng V đã chuyển khoản nợ của anh Đ, chị T sang nợ quá hạn; ngày

03/10/2022 ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thanh Hóa). Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thanh Hóa đã quyết định: Buộc anh Nguyễn Mạnh Đạt và chị Lê T phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ đến ngày 23/8/2025 của hợp đồng cho vay số LN190621147942 ngày 28/6/2019, tổng số tiền: 1.937.904.511đ. Trong đó gốc 969.555.096đ; tiền lãi trong hạn: 21.391.640đ; lãi quá hạn: 771.492.764đ; lãi chậm trả 175.465.011đ.

[2.2] Khoản tiền lãi chậm trả 175.465.011đ:

Tại thời điểm ngân hàng V chuyển khoản vay của anh Đ, chị T sang nợ quá hạn, thì lãi trong hạn tức lãi trên nợ gốc 11,8%/năm tương ứng với thời gian vay đến hạn chưa trả là 21.391.640đ. Sau khi khoản vay chuyển sang nợ quá hạn, cùng với việc chuyển lãi sang lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là 17,7%/năm, tính đến ngày 23/9/2025 số tiền là 771.492.764đ là đúng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ngân hàng, buộc bị đơn phải trả đối với khoản lãi chậm trả từ thời điểm tính nợ quá hạn đến khi xét xử sơ thẩm số tiền 175.465.011đ là không đúng quy định của pháp luật (lãi chồng lãi).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do khoản tiền lãi chậm trả 175.465.011đ không được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại đối với bị đơn, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền lãi không được chấp nhận đã nói trên theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có căn cứ nên được chấp nhận.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thanh Hóa.

* **Căn cứ:** Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95; Điều 96; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Buộc anh Trần Đ và chị Lê T phải trả cho Ngân hàng V số tiền nợ đến ngày 23/8/2025 theo hợp đồng cho vay số LN190621147942 ngày 28/6/2019, tổng số tiền là: 1.762.439.500đ (một tỷ bảy trăm sáu hai triệu bốn trăm ba chín nghìn năm

trăm đồng). Trong đó, tiền gốc 969.555.096đ; tiền lãi trong hạn: 21.391.640đ; lãi quá hạn: 771.492.764đ.

Anh Trần Đ và chị Lê T tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đồng cho vay số LN1906211479428 ngày 28/6/2019.

*** Án phí:**

- Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.
- Anh Trần Đ và chị Lê T phải chịu 64.873.185đ án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngân hàng V phải chịu 8.773.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.164.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0002416 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Thanh Hóa), ngân hàng V đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ngân hàng V 15.391.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền nói trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND Khu vực 1-Thanh Hóa;
- Phòng THADS KV1-Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hùng

